

Số: **616** /QĐ – SYT

Bình Phước, ngày **07** tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh và Phê duyệt Danh mục kỹ thuật lần đầu trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Mỹ Anh

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Bình Phước;

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám, chữa bệnh; Thông tư số 21/2017/TT – BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo Thông tư số 43/2013/TT – BYT ngày 11/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng Đoàn thẩm định Sở Y tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Mỹ Anh, như sau:

- Địa chỉ hành nghề: Ngã Ba Đa Kia, thôn 4, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

- Người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: Nguyễn Chí Lương. Số CCHN: 000279/BP-CCHN. Ngày cấp: 13/7/2012. Nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

- Phạm vi hoạt động chuyên môn của cơ sở: Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa, Ngoại khoa, Y học cổ truyền và 02 bộ phận: Chẩn đoán hình ảnh, Xét nghiệm.

- Kèm theo giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.



Điều 2. Phê duyệt Danh mục kỹ thuật lần đầu trong khám bệnh, chữa bệnh đối với Phòng khám Đa khoa Mỹ Anh gồm: **478** kỹ thuật (có Danh mục đính kèm).

Điều 3: Phòng khám Đa khoa Mỹ Anh phải thực hiện đúng phạm vi hoạt động chuyên môn, Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh đã được Sở Y tế cho phép và quy trình kỹ thuật chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế.

Điều 4. Các Ông, bà Trưởng/phó phòng Nghiệp Vụ; Chánh Thanh tra, Chánh Văn phòng Sở Y tế; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Phòng khám Đa khoa Mỹ Anh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Y tế (để báo cáo);
- UBND huyện Bù Gia Mập;
- TTYT huyện Bù Gia Mập;
- Giám đốc Sở Y tế;
- Các Phó giám đốc Sở Y tế;
- Website Sở Y tế;
- Lưu VT, NV (T02.11).

KT. GIÁM ĐỐC 
 PHÓ GIÁM ĐỐC

Đỗ Thị Nguyên



UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC KỸ THUẬT LÀN ĐẦU

Trong khám bệnh, chữa bệnh của Phòng khám Đa khoa Mỹ Anh
(Ban hành kèm theo Quyết định số: **646** /QĐ- SYT ngày **07** tháng 11 năm 2023
của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Bình Phước)

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Số lượng kỹ thuật		Tổng số lượng kỹ thuật
		Theo TT 43	Theo TT 21	
I	Hồi sức cấp cứu và Chống độc	34	2	36
II	Nội khoa	18	0	18
VII	Nội tiết	9	0	9
VIII	Y học cổ truyền	226	1	227
X	Ngoại khoa	21	0	21
XVIII	Điện quang	89	0	89
XXI	Thăm dò chức năng	3	0	3
XXII	Huyết học - Truyền máu	12	0	12
XXIII	Hoá sinh	22	4	26
XXIV	Vi sinh	37	0	37
Tổng cộng		471	7	478

h

I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYÊN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. TUẦN HOÀN				
1	1	Theo dõi huyết áp liên tục không xâm nhập tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	
2	2	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	x	x	x	
3	3	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục ≤ 8 giờ	x	x	x	
4	28	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường ≤ 8 giờ	x	x	x	x
5	51	Hồi sức chống sốc ≤ 8 giờ	x	x	x	x
		B. HÔ HẤP				
6	52	Cầm chảy máu ở lỗ mũi sau bằng ống thông có bóng chèn	x	x	x	x
7	53	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	x	x	x	x
8	57	Thở oxy qua gọng kính (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
9	58	Thở oxy qua mặt nạ không có túi (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
10	61	Thở oxy qua ống chữ T (T-tube) (≤ 8 giờ)	x	x	x	x
11	64	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em	x	x	x	x
12	65	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
13	86	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	x	x	x	x
14	157	Cổ định lồng ngực do chấn thương gây xương sườn	x	x	x	x
15	158	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	x	x	x	x
		C. THẬN - LỌC MÁU				
16	160	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	x	x	x	x
17	164	Thông bàng quang	x	x	x	x
		Đ. TIÊU HOÁ				

10

18	215	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa	x	x	x	x
19	216	Đặt ống thông dạ dày	x	x	x	x
20	218	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
21	221	Thụt tháo	x	x	x	x
22	222	Thụt giữ	x	x	x	x
23	223	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
		E. TOÀN THÂN				
24	250	Kiểm soát đau trong cấp cứu	x	x	x	
25	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	x
26	252	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch ≤ 8 giờ	x	x	x	x
27	266	Xoa bóp phòng chống loét	x	x	x	x
28	267	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	x	x	x	
29	270	Ga rô hoặc băng ép cầm máu	x	x	x	x
30	275	Băng bó vết thương	x	x	x	x
31	276	Cố định tạm thời người bệnh gãy xương	x	x	x	x
32	277	Cố định cột sống cổ bằng nẹp cứng	x	x	x	x
33	278	Vận chuyển người bệnh cấp cứu	x	x	x	x
34	279	Vận chuyển người bệnh chấn thương cột sống thắt lưng	x	x	x	
STT	TT theo TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		P. CHỐNG ĐỘC				
35	362	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	
36	367	Tư vấn cho bệnh nhân ngộ độc	x	x	x	

II. NỘI KHOA

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT
	1	2	3

K

			A	B	C	D
		A. HÔ HẤP				
1	1	Bóp bóng Ambu qua mặt nạ	x	x	x	x
2	30	Kỹ thuật ho khạc đờm bằng khí dung nước muối ưu trương	x	x	x	
3	31	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế	x	x	x	x
4	32	Khí dung thuốc giãn phế quản	x	x	x	x
5	60	Nghiệm pháp đi bộ 6 phút	x	x	x	
6	67	Thay canuyn mở khí quản	x	x	x	x
7	68	Vận động trị liệu hô hấp	x	x	x	x
		B. TIM MẠCH				
8	85	Điện tim thường	x	x	x	x
		C. THẦN KINH				
9	128	Chăm sóc mắt ở người bệnh liệt VII ngoại biên (một lần)	x	x	x	x
10	150	Hút đờm hầu họng	x	x	x	x
11	163	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	x	x	x	
12	164	Theo dõi SPO ₂ liên tục tại giường	x	x	x	
		D. THẬN TIẾT NIỆU				
13	188	Đặt sonde bàng quang	x	x	x	
		Đ. TIÊU HÓA				
14	247	Đặt ống thông hậu môn	x	x	x	x
15	313	Rửa dạ dày cấp cứu	x	x	x	x
16	337	Thụt thuốc qua đường hậu môn	x	x	x	x
17	339	Thụt tháo phân	x	x	x	x
		E. CƠ XƯƠNG KHỚP				
18	363	Hút ổ viêm/ áp xe phần mềm	x	x	x	

VII. NỘI TIẾT

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		8. Các kỹ thuật trên người bệnh đái tháo đường				
1	225	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x

h

2	226	Cắt lọc, lấy bỏ tổ chức hoại tử cho các nhiễm trùng bàn chân vết loét khu trú ở ngón chân trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
3	231	Chích rạch, dẫn lưu ổ áp xe trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
4	232	Tháo móng quặp trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	
5	234	Cắt móng chân, chăm sóc móng trên người bệnh đái tháo đường	x	x	x	x
6	236	Các tiểu phẫu ở người bệnh ĐTĐ (kiểm soát đường huyết tốt)	x	x	x	
7	239	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin	x	x	x	x
8	240	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân	x	x	x	x
9	241	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện	x	x	x	x

VIII. Y HỌC CỔ TRUYỀN

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. KỸ THUẬT CHUNG				
1	2	Hào châm	x	x	x	x
2	5	Điện châm	x	x	x	x
3	6	Thủy châm	x	x	x	x
4	8	Ôn châm	x	x	x	x
5	9	Cứu	x	x	x	x
6	13	Kéo nắn cột sống cổ	x	x	x	
7	14	Kéo nắn cột sống thắt lưng	x	x	x	
8	27	Chườm ngải	x	x	x	x
9	28	Luyện tập dưỡng sinh	x	x	x	x
		C. ĐIỆN MÃNG CHÂM				
10	114	Điện mãng châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	
11	115	Điện mãng châm điều trị béo phì	x	x	x	
12	116	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	

10

13	117	Điện mẫn châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	x	x	x	
14	118	Điện mẫn châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
15	119	Điện mẫn châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
16	121	Điện mẫn châm phục hồi chức năng vận động cho trẻ bại liệt	x	x	x	
17	122	Điện mẫn châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	x	x	x	
18	123	Điện mẫn châm điều trị liệt do tổn thương đám rối thần kinh cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
19	125	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	
20	126	Điện mẫn châm điều trị đái dầm	x	x	x	
21	127	Điện mẫn châm điều trị thông kinh	x	x	x	
22	128	Điện mẫn châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	
23	129	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	
24	130	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	
25	131	Điện mẫn châm điều trị hen phế quản	x	x	x	
26	132	Điện mẫn châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	
27	133	Điện mẫn châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	
28	134	Điện mẫn châm điều trị tắc tia sữa	x	x	x	
29	135	Điện mẫn châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	
30	136	Điện mẫn châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
31	137	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh V	x	x	x	
32	138	Điện mẫn châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	
33	139	Điện mẫn châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
34	140	Điện mẫn châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	
35	141	Điện mẫn châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	
36	142	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới	x	x	x	
37	143	Điện mẫn châm điều trị đau hồ mắt	x	x	x	

W

38	150	Điện mãng châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	
39	151	Điện mãng châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	
40	152	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	
41	153	Điện mãng châm điều trị đau răng	x	x	x	
42	154	Điện mãng châm điều trị viêm đa khớp dạng thấp	x	x	x	
43	155	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	
44	156	Điện mãng châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	x	x	x	
45	157	Điện mãng châm điều trị đau lưng	x	x	x	
46	158	Điện mãng châm điều trị di tinh	x	x	x	
47	159	Điện mãng châm điều trị liệt dương	x	x	x	
48	160	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
49	161	Điện mãng châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	
		E. ĐIỆN CHÂM				
50	278	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
51	279	Điện châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
52	280	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
53	281	Điện châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
54	282	Điện châm điều trị cảm mạo	x	x	x	x
55	283	Điện châm điều trị viêm amidan	x	x	x	x
56	285	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	x	x	x	x
57	287	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	x
58	288	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
59	289	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
60	291	Điện châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	x
61	292	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	x
62	293	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
63	294	Điện châm điều trị sa tử cung	x	x	x	x
64	295	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x

65	296	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	x
66	297	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	x	x	x	x
67	298	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
68	299	Điện châm điều trị khàn tiếng	x	x	x	x
69	300	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
70	301	Điện châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
71	302	Điện châm điều trị chắp lẹo	x	x	x	x
72	303	Điện châm điều trị đau hồ mắt	x	x	x	x
73	305	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
74	307	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
75	310	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x
76	311	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
77	312	Điện châm điều trị đau răng	x	x	x	x
78	313	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
79	314	Điện châm điều trị ù tai	x	x	x	x
80	315	Điện châm điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
81	316	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	x	x	x	x
82	317	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	x
83	318	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	x
84	319	Điện châm điều trị giảm đau do zona	x	x	x	x
85	320	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	x	x	x	x
86	321	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
		G. THỦY CHÂM				
87	322	Thủy châm điều trị hội chứng thất lưng- hông	x	x	x	x
88	323	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	
89	324	Thủy châm điều trị mất ngủ	x	x	x	x
90	325	Thủy châm điều trị hội chứng stress	x	x	x	
91	327	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	x	x	x	x

92	329	Thủy châm điều trị béo phì	x	x	x	x
93	330	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
94	331	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	x	x	x	x
95	332	Thủy châm điều trị sa dạ dày	x	x	x	
96	333	Thủy châm điều trị trĩ	x	x	x	
97	335	Thủy châm điều trị mày đay	x	x	x	x
98	336	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	x	x	x	x
99	337	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	
100	338	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em	x	x	x	x
101	339	Thủy châm điều trị giảm thính lực	x	x	x	
102	340	Thủy châm điều trị liệt trẻ em	x	x	x	x
103	342	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	x	x	x	
104	343	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	
105	344	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	
106	347	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
107	348	Thủy châm điều trị thông kinh	x	x	x	x
108	349	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	x
109	350	Thủy châm điều trị đái dầm	x	x	x	x
110	351	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
111	352	Thủy châm điều trị đau vai gáy	X	x	x	x
112	353	Thủy châm điều trị hen phế quản	X	x	x	x
113	354	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
114	355	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
115	356	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	x	x	x	x
116	357	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	x	x	x	x
117	358	Thủy châm điều trị thất vận ngôn	x	x	x	
118	359	Thủy châm điều trị đau dây V	x	x	x	
119	360	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	

120	361	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	x	x	x	
121	362	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	
122	364	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	
123	365	Thủy châm điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
124	366	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	x	x	x	x
125	372	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	x	x	x	x
126	374	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	x	x	x	x
127	375	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
128	376	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
129	377	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
130	378	Thủy châm điều trị đau lưng	x	x	x	x
131	383	Thủy châm điều trị giảm thị lực	x	x	x	
132	384	Thủy châm điều trị viêm bàng quang	x	x	x	
133	385	Thủy châm điều trị di tinh	x	x	x	
134	386	Thủy châm điều trị liệt dương	x	x	x	
135	387	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	x	x	x	
136	388	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
		H. XOA BÓP BẮM HUYỆT				
137	389	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	x	x	x	x
138	390	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	x	x	x	x
139	391	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	x	x	x	x
140	392	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng thắt lưng- hông	x	x	x	x
141	393	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	x	x	x	x
142	394	Xoa bóp bấm huyết điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
143	395	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	x	x	x	x
144	396	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi trên	x	x	x	x

145	397	Xoa bóp bấm huyết điều trị cứng khớp chi dưới	x	x	x	x
146	398	Xoa bóp bấm huyết điều trị choáng, ngất	x	x	x	x
147	399	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	x	x	x	
148	400	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng ù tai	x	x	x	x
149	401	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm khứu giác	x	x	x	x
150	402	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	x	x	x	x
151	406	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	x	x	x	x
152	407	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	x	x	x	x
153	408	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau đầu, đau nửa đầu	x	x	x	x
154	409	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	x	x	x	x
155	410	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng stress	x	x	x	x
156	411	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	x	x	x	x
157	412	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	x	x	x	x
158	413	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	x	x	x	x
159	414	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	x	x	x	x
160	415	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi	x	x	x	x
161	416	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	x	x	x	x
162	417	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác cơ năng	x	x	x	x
163	418	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thị lực	x	x	x	x
164	419	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền đình	x	x	x	x
165	420	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm thính lực	x	x	x	x
166	421	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	x	x	x	x

K

167	422	Xoa bóp bấm huyết điều trị hen phế quản	x	x	x	x
168	423	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	x	x	x	x
169	424	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	x	x	x	x
170	425	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau thần kinh liên sườn	x	x	x	x
171	426	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	x	x	x	x
172	427	Xoa bóp bấm huyết điều trị nấc	x	x	x	x
173	428	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	x	x	x	x
174	429	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau do thoái hóa khớp	x	x	x	x
175	430	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau lưng	x	x	x	x
176	431	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	x	x	x	x
177	432	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng vai gáy	x	x	x	x
178	433	Xoa bóp bấm huyết điều trị chứng tic cơ mặt	x	x	x	x
179	434	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	x	x	x	x
180	435	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa	x	x	x	x
181	436	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn kinh nguyệt	x	x	x	x
182	437	Xoa bóp bấm huyết điều trị đau bụng kinh	x	x	x	x
183	438	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng tiền mãn kinh	x	x	x	x
184	439	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	x	x	x	x
185	440	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hoá	x	x	x	x
186	441	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông	x	x	x	x
187	442	Xoa bóp bấm huyết điều trị bí đái cơ năng	x	x	x	x
188	443	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	x	x	x	
189	444	Xoa bóp bấm huyết điều trị béo phì	x	x	x	x

K

190	445	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	x	x	x	x
191	446	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	x	x	x	X
192	447	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau sau phẫu thuật	x	x	x	X
193	448	Xoa bóp bấm huyết điều trị giảm đau do ung thư	x	x	x	X
194	449	Xoa bóp bấm huyết điều trị đái dầm	x	x	x	X
		I. CỨU				
195	451	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	x	x	x	x
196	452	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	x	x	x	x
197	453	Cứu điều trị nấc thể hàn	x	x	x	x
198	454	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
199	455	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	x	x	x	x
200	456	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	x	x	x	x
201	457	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	x	x	x	x
202	458	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	x	x	x	x
203	459	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	x	x	x	x
204	460	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	x	x	x	x
205	461	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	x	x	x	x
206	462	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	x	x	x	x
207	463	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	x	x	x	x
208	464	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	x	x	x	x
209	465	Cứu điều trị di tinh thể hàn	x	x	x	x
210	466	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	x	x	x	x
211	467	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	x	x	x	x
212	468	Cứu điều trị bí đái thể hàn	x	x	x	x
213	469	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	x	x	x	x
214	470	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	x	x	x	x
215	471	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	x	x	x	x
216	472	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	x	x	x	x
217	473	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	x	x	x	x

218	474	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	x	x	x	x
219	475	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	x	x	x	x
220	476	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	x	x	x	x
221	477	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	x	x	x	x
222	478	Cứu hỗ trợ điều trị nghiện ma túy thể hàn	x	x	x	x
		K. GIÁC HƠI	x	x	x	x
223	479	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	x	x	x	x
224	480	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	x	x	x	x
225	481	Giác hơi điều trị các chứng đau	x	x	x	x
226	482	Giác hơi điều trị cảm cúm	x	x	x	x
STT	TT theo TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		L. KỸ THUẬT CHUNG				
227	483	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	x	x	x	x

X. NGOẠI KHOA

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
1	995	Nắn, bó bột trật khớp vai	x	x	x	
2	996	Nắn, bó bột gãy xương đòn	x	x	x	
3	1000	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	x	x	x	
4	1001	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	x	x	x	
5	1003	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	x	x	x	
6	1007	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	x	x	x	
7	1008	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	x	x	x	
8	1009	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	x	x	x	
9	1012	Nắn, bó bột gãy mâm chày	x	x	x	

10	1017	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	x	x	x	
11	1018	Nắn, bó bột trật khớp gối	x	x	x	
12	1019	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	x	x	x	
13	1020	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	x	x	x	
14	1021	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	x	x	x	
15	1024	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	x	x	x	
16	1026	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	x	x	x	
17	1027	Nắn, bó bột gãy Monteggia	x	x	x	
18	1028	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	x	x	x	
19	1029	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	x	x	x	x
20	1031	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	x	x	x	x
21	1032	Nẹp bột các loại, không nắn	x	x	x	x

XVIII. ĐIỆN QUANG

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYẾN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. SIÊU ÂM CHẨN ĐOÁN				
		1. Siêu âm đầu, cổ				
1	1	Siêu âm tuyến giáp	x	x	x	
2	2	Siêu âm các tuyến nước bọt	x	x	x	
3	3	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	x	x		
4	4	Siêu âm hạch vùng cổ	x	x		
5	10	Siêu âm Doppler u tuyến, hạch vùng cổ	x	x		
		2. Siêu âm vùng ngực				
6	11	Siêu âm màng phổi	x	x		
7	12	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	x	x		
		3. Siêu âm ổ bụng				
8	15	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	x	x	x	

9	16	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	x	x	x	
10	18	Siêu âm tử cung phần phụ	x	x	x	
11	19	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	x	x		
12	20	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	x	x	x	
13	21	Siêu âm Doppler các khối u trong ổ bụng	x	x		
14	22	Siêu âm Doppler gan lách	x	x		
15	23	Siêu âm Doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	x	x		
16	24	Siêu âm Doppler động mạch thận	x	x		
17	25	Siêu âm Doppler tử cung phần phụ	x	x		
18	26	Siêu âm Doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	x	x		
19	28	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
20	29	Siêu âm Doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	x	x		
		4. Siêu âm sản phụ khoa				
21	30	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	x	x	x	
22	32	Siêu âm Doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	x	x		
23	34	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	x	x	x	
24	35	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	x	x	x	
25	36	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	x	x	x	
26	37	Siêu âm Doppler động mạch tử cung	x	x		
27	38	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng đầu	x	x		
28	39	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng giữa	x	x		
29	40	Siêu âm Doppler thai nhi 3 tháng cuối	x	x		
30	41	Siêu âm 3D/4D thai nhi	x	x		
31	42	Siêu âm tầm soát dị tật thai nhi	x	x		
		5. Siêu âm cơ xương khớp				
32	44	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ...)	x	x		
		6. Siêu âm tim, mạch máu				
33	45	Siêu âm Doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	x	x		

K

34	49	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	x	x		
35	52	Siêu âm Doppler tim, van tim	x	x		
		7. Siêu âm vú				
36	54	Siêu âm tuyến vú hai bên	x	x		
37	55	Siêu âm Doppler tuyến vú	x	x		
		8. Siêu âm bộ phận sinh dục nam				
38	57	Siêu tinh hoàn hai bên	x	x		
39	58	Siêu âm Doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	x	x		
40	59	Siêu âm dương vật	x	x		
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
41	67	Chụp Xquang sọ thẳng nghiêng	x	x	x	x
42	68	Chụp Xquang mặt thẳng nghiêng	x	x	x	x
43	70	Chụp Xquang sọ tiếp tuyến	x	x	x	x
44	71	Chụp Xquang hốc mắt thẳng nghiêng	x	x	x	
45	72	Chụp Xquang Blondeau	x	x	x	x
46	73	Chụp Xquang Hirtz	x	x	x	x
47	74	Chụp Xquang hàm chéo một bên	x	x	x	
48	75	Chụp Xquang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến	x	x	x	
49	76	Chụp Xquang hố yên thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x
50	78	Chụp Xquang Schuller	x	x	x	
51	79	Chụp Xquang Stenvers	x	x	x	
52	80	Chụp Xquang khớp thái dương hàm	x	x	x	
53	85	Chụp Xquang mỏm trâm	x	x	x	
54	86	Chụp Xquang cột sống cổ thẳng nghiêng	x	x	x	x
55	87	Chụp Xquang cột sống cổ chéo hai bên	x	x	x	
56	89	Chụp Xquang cột sống cổ C1-C2	x	x	x	
57	90	Chụp Xquang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
58	91	Chụp Xquang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng	x	x	x	x

59	92	Chụp Xquang cột sống thắt lưng chéo hai bên	x	x	x	x
60	93	Chụp Xquang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng	x	x	x	x
61	95	Chụp Xquang cột sống thắt lưng De Sèze	x	x	x	
62	96	Chụp Xquang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng	x	x	x	
63	97	Chụp Xquang khớp cùng chậu thẳng chéo hai bên	x	x	x	
64	98	Chụp Xquang khung chậu thẳng	x	x	x	x
65	99	Chụp Xquang xương đòn thẳng hoặc chéo	x	x	x	x
66	100	Chụp Xquang khớp vai thẳng	x	x	x	x
67	101	Chụp Xquang khớp vai nghiêng hoặc chéo	x	x	x	
68	102	Chụp Xquang xương bả vai thẳng nghiêng	x	x	x	x
69	103	Chụp Xquang xương cánh tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
70	104	Chụp Xquang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
71	105	Chụp Xquang khớp khuỷu gấp (Jones hoặc Coyle)	x	x	x	x
72	106	Chụp Xquang xương cẳng tay thẳng nghiêng	x	x	x	x
73	107	Chụp Xquang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
74	108	Chụp Xquang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
75	109	Chụp Xquang khớp háng thẳng hai bên	x	x	x	x
76	110	Chụp Xquang khớp háng nghiêng	x	x	x	
77	111	Chụp Xquang xương đùi thẳng nghiêng	x	x	x	x
78	112	Chụp Xquang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x
79	113	Chụp Xquang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè	x	x	x	
80	114	Chụp Xquang xương cẳng chân thẳng nghiêng	x	x	x	x
81	115	Chụp Xquang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo	x	x	x	x

82	116	Chụp Xquang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chếch	x	x	x	x
83	117	Chụp Xquang xương gót thẳng nghiêng	x	x	x	x
84	119	Chụp Xquang ngực thẳng	x	x	x	x
85	120	Chụp Xquang ngực nghiêng hoặc chếch mỗi bên	x	x	x	x
86	121	Chụp Xquang xương ức thẳng, nghiêng	x	x	x	
87	122	Chụp Xquang khớp ức đòn thẳng chếch	x	x	x	
88	123	Chụp Xquang đỉnh phổi ưỡn	x	x	x	x
89	125	Chụp Xquang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng	x	x	x	x

XXI. THĂM DÒ CHỨC NĂNG

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. TIM, MẠCH				
1	13	Nghiệm pháp dây thắt	x	x	x	x
2	14	Điện tim thường	x	x	x	x
		G. CƠ XƯƠNG KHỚP				
3	105	Nghiệm pháp Atropin	x	x	x	x

XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. XÉT NGHIỆM ĐỒNG MÁU				
1	20	Thời gian máu chảy phương pháp Ivy	x	x	x	x
		B. SINH HÓA HUYẾT HỌC				
2	117	Định lượng sắt huyết thanh	x	x	x	
		C. TẾ BÀO HỌC				
3	119	Phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x



h

4	120	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
5	123	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
6	124	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	x	x	x	
7	138	Tìm ký sinh trùng sốt rét trong máu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
8	140	Tìm giun chỉ trong máu	x	x	x	x
9	142	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	
10	149	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	x	x	x	x
		D. HUYẾT THANH HỌC NHÓM MÁU				
11	280	Định nhóm máu hệ ABO (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	
12	292	Định nhóm máu hệ Rh(D) (Kỹ thuật phiên đá)	x	x	x	

XXIII. HÓA SINH

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. MÁU				
1	3	Định lượng Acid Uric	x	x	x	
2	7	Định lượng Albumin	x	x	x	
3	10	Đo hoạt độ Amylase	x	x	x	
4	19	Đo hoạt độ ALT (GPT)	x	x	x	
5	20	Đo hoạt độ AST (GOT)	x	x	x	
6	25	Định lượng Bilirubin trực tiếp	x	x	x	
7	26	Định lượng Bilirubin gián tiếp	x	x	x	
8	27	Định lượng Bilirubin toàn phần	x	x	x	
9	41	Định lượng Cholesterol toàn phần	x	x	x	
10	51	Định lượng Creatinin	x	x	x	
11	75	Định lượng Glucose	x	x	x	
12	77	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase)	x	x	x	
13	83	Định lượng HbA1c	x	x	x	

K

14	84	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol)	X	X	X	
15	112	Định lượng LDL - C (Low density lipoprotein Cholesterol)	X	X	X	
16	158	Định lượng Triglycerid	X	X	X	
17	166	Định lượng Urê	X	X	X	
		B. NƯỚC TIỂU				
18	173	Định tính Amphetamin (test nhanh)	X	X	X	X
19	179	Định tính beta hCG (test nhanh)	X	X	X	X
20	187	Định lượng Glucose	X	X	X	
21	202	Định tính Protein Bence -jones	X	X	X	X
22	206	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)	X	X	X	X
STT	TT Theo TT 21	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		G. CÁC KỸ THUẬT KHÁC (TTLT 37)				
23	228	Định lượng CRP	X	X	X	
24	234	Đường máu mao mạch	X	X	X	
25	256	Xentonic/ sắc tố mật/ muối mật/ urobilinogen	X	X	X	
26	260	Urobilin, Urobilinogen: Định tính	X	X	X	

XXIV. VI SINH

STT	TT theo TT 43	DANH MỤC KỸ THUẬT	PHÂN TUYỂN KỸ THUẬT			
	1	2	3			
			A	B	C	D
		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
1	1	Vi khuẩn nhuộm soi	X	X	X	X
2	2	Vi khuẩn test nhanh	X	X	X	X
3	16	Vi hệ đường ruột	X	X	X	X
		3. Vibrio cholerae				

XHCN

Y T

SINH PH

K

4	42	<i>Vibrio cholerae</i> soi tươi	x	x	x	x
5	43	<i>Vibrio cholerae</i> nhuộm soi	x	x	x	x
		4. Neisseria gonorrhoeae				
6	49	<i>Neisseria gonorrhoeae</i> nhuộm soi	x	x	x	x
		6. Các vi khuẩn khác				
7	60	<i>Chlamydia</i> test nhanh	x	x	x	x
8	73	<i>Helicobacter pylori</i> Ag test nhanh	x	x	x	x
9	98	<i>Treponema pallidum</i> test nhanh	x	x	x	x
		B. VIRUS				
10	108	Virus test nhanh	x	x	x	x
		2. Hepatitis virus				
11	117	HBsAg test nhanh	x	x	x	x
12	122	HBsAb test nhanh	x	x	x	x
13	127	HBcAb test nhanh	x	x	x	x
14	130	HBeAg test nhanh	x	x	x	x
15	133	HBeAb test nhanh	x	x	x	x
16	144	HCV Ab test nhanh	x	x	x	x
17	155	HAV Ab test nhanh	x	x	x	x
		3. HIV				
18	169	HIV Ab test nhanh	x	x	x	x
19	170	HIV Ag/Ab test nhanh	x	x	x	x
		4. Dengue virus				
20	183	Dengue virus NS1Ag test nhanh	x	x	x	x
21	185	Dengue virus IgA test nhanh	x	x	x	x
22	187	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
		6. Enterovirus				
23	225	EV71 IgM/IgG test nhanh	x	x	x	x
		C. KÝ SINH TRÙNG				
		1. Ký sinh trùng trong phân				
24	263	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	x	x	x	x
25	265	Đơn bào đường ruột soi tươi	x	x	x	x
26	266	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	x	x	x	x
27	267	Trứng giun, sán soi tươi	x	x	x	x
28	269	<i>Strongyloides stercoralis</i> (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	x	x	x	x
		2. Ký sinh trùng trong máu				
29	284	<i>Filaria</i> (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	x	x	x	x

K

30	289	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	x	x	x	x
31	291	<i>Plasmodium</i> (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	x	x	x	x
		3. Ký sinh trùng ngoài da				
32	305	<i>Demodex</i> soi tươi	x	x	x	x
33	306	<i>Demodex</i> nhuộm soi	x	x	x	
34	309	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) soi tươi	x	x	x	x
35	310	<i>Sarcoptes scabies hominis</i> (Ghẻ) nhuộm soi	x	x	x	
		D. VI NẤM				
36	319	Vi nấm soi tươi	x	x	x	x
37	321	Vi nấm nhuộm soi	x	x	x	

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 359/BP-GPHĐ

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ

*Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Xét đề nghị của Đoàn thẩm định cơ sở hành nghề Y, Dược tư nhân.*

CẤP PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh: **Phòng khám Đa khoa Mỹ Anh**

Tên người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật: **Nguyễn Chí Lương**

Số chứng chỉ hành nghề: 000279/BP-CCHN. Ngày cấp: 13/7/2012.

Nơi cấp: Sở Y tế tỉnh Bình Phước.

Hình thức tổ chức: **Phòng khám đa khoa.**

Địa điểm hành nghề: Ngã Ba Đa Kia, thôn 4, xã Đa Kia, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện kỹ thuật chuyên môn được Giám đốc Sở Y tế phê duyệt ban hành kèm theo giấy phép hoạt động.

Thời gian làm việc hằng ngày: Từ 06h00' đến 19h30', tất cả các ngày trong tuần.

Bình Phước, ngày 07 tháng 11 năm 2023



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

ĐỖ THỊ NGUYỄN

